TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 7A/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 5 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Vinh và bà Nguyễn Thị Hải.
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình: không tham gia.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2022, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2022/QĐXX – ST ngày 01/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Quỳnh A, sinh năm 1995.
Nơi cư trú: thôn D, xã Gi, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.
2. Bị đơn: anh Ngô Vĩ Đ, sinh năm 1992.
Nơi cư trú: thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Ngô Vĩ Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Gio Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị ngày 05 tháng 3 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và cùng nhau vào tỉnh Đồng Nai làm ăn. Cuộc sống vợ chồng duy trì được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột, cãi vả. Anh Đ không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say xỉn; chị đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, tự ý một mình bỏ về quê tại xã C sinh sống cho đến nay. Từ đó cho đến này vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Xét tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không có khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Ngô Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2015. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ đóng góp phí tổn nuôi con, lý do anh Đ không có việc làm ổn định, không có thu nhập.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai bị đơn anh Ngô Vĩ Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị A. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2015 đúng như chị A trình bày. Anh đồng ý giao con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh Đ đều vắng mặt. Tại phiên tòa anh Đ đã được triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng măt, Tại bản tự khai để ngày 11/3/2022, Anh Ngô Vĩ Đ có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Ngô Vĩ Đ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị Quỳnh A và anh Ngô Vĩ Đ kết hôn có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền vào năm 2015, vì vậy căn cứ vào các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa cần xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Anh Ngô Vĩ Đ hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Theo chị A trình bày: cuộc sống chung của vợ chồng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, hiện tại anh Đ đã bỏ về quê sinh sống, không còn quan tâm đến cuộc sống chung cũng như hỗ trợ chăm sóc con chung. Theo lời khai của anh Đ thể hiện anh nhất trí theo yêu cầu ly hôn của chị A, nhưng không tham gia tố tụng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị A đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình nên mục đích hôn nhân không thể đạt được.

Hiện tại, hai bên cũng không mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Quỳnh A, xử cho chị được ly hôn với anh Ngô Vĩ Đ.

Về quan hệ con chung: Anh Đ, chị A đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Ngô Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2015. Nguyện vọng của chị A là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ nhất trí với nguyện vọng của chị A về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện hiện tại, cháu Đ đang sống cùng với chị Anh, việc sinh hoạt và học tập đã ổn định; Anh Đ đã về quê sinh sống, chưa có việc làm ổn định; Chị A cam kết đủ khả năng cấp dưỡng để nuôi con trưởng thành. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị A để giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau khi ly hôn, nếu một trong các bên có liên quan có yêu cầu thì có quyền làm đơn đề nghị Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Chị A và anh Đ không ai có yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Quỳnh A được ly hôn anh Ngô Vĩ Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Ngô Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2015 cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A.

Vì lợi ích con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Xử buộc chị Lê Thị Quỳnh A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002549 ngày 14 tháng 01 năm 2022, chị A đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Gio Hải, huyện Gio Linh;
(GCNKH số 04/2015, quyển số 01/2013)
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Quang Minh